

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+CTK3	7:25	8+14	0+0		3+19	0+0	
2		PPD+BK10-P4	7:25	21+0+1	0+0		19+1+0	0+0	chuyen 1 ppd- p4
3		AMD	7:25	22	0		22	0	
4		BK14+BK16+CTK3	9:25	10+2+10	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
5		GTCl+PPD	9:25	8+14	0+0		0+22	0+0	
6		P2+P6+CLO	9:25	9+11+1	0+0+0		6+11+5	0+0+0	
7		CTK3+P1+BK9	11:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	chuyen 1 p1- bk9
8		AMD+RP3	11:25	18+4	0+0		8+14	0+0	
9		T.UNG	11:25	12	0		19	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2023	TO: BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - PTUAN	ETA: 09:40
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN HUY	BK9					65	TTAT	Vietnamese
2	ĐO HỒNG SƠN	BK9	89	1	2		67	D-HANH	Vietnamese
3	SHEREMETIEV A.V.	BK9	85	1	3		82	D-HANH	Russian
4	VÔ NGỌC CHÍNH	BK9	88	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BÌNH QUYẾT	BK9	86	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG CÔNG	BK9	90	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	87	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN SƠN TÙNG	BK9					75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	07	1	4	102	65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN THAI	CTK3	01,93	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	08	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CANH HUNG	CTK3	05	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HAO	CTK3	06	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THANH	CTK3	03	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VĂN THỊNH	CTK3	04	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC BÌNH	CTK3	11	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	09	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LE NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3					88	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	10	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	HA MINH GIANG	CTK3	02	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI KHÁC PHONG	CTK3	12	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	81	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	8	6	31	596	0	3		
2	CTK3	14	14	76	989	102	19		
TOTAL		22	20	107	1.585	102	22		
WEIGHT KG				107	1.585	102			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PPD - BK10 - P4	CREW: TUYỀN - M.Đức - Huy	ETA: 09:25
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TUẤN ANH	PPD	56-57	2	12		63	KHI	Vietnamese
2	SECRETARIA CIPRIANO CABALLERO	PPD	53-54	2	10		74	KHI	Filipino
3	VŨ VĂN SINH	PPD	55	1	7		85	KHI	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN BÁC	PPD	66,63	2	10		75	KHI	Vietnamese
5	THAI DOÀN MẠO	PPD	47	1	10		68	KHI	Vietnamese
6	BUI BA KIEN	PPD	48-49	2	15	100	65	KHI	Vietnamese
7	LÀ ĐỨC LƯỢNG	PPD	51-52	2	12		70	KHI	Vietnamese
8	VŨ VĂN MẠNH	PPD	64	1	10		70	KHI	Vietnamese
9	MAI DINH CHIEN	PPD	65	1	8		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TỬ	PPD	60-61	2	5		72	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH LINH	PPD	62	1	10		67	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	71-73	3	17		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THANH	PPD	79-80	2	12		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	PPD	67	1	7		60	KHI	Vietnamese
15	LE VAN THANG	PPD	50	1	5		55	KHI	Vietnamese
16	ĐO THANH HUNG	PPD	74-75	2	8		70	YTE	Vietnamese
17	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	77-78	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	70	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NANG PHONG	PPD	76	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT TIỀN	PPD	58-59	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TUNG	PPD	68-69	2	18		78	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN BÁ LỤC	P4	84,93	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	34	206	1.446	100	19	1	CHUYEN 01 PAX TU PPD SANG P4
2	BK10	0	0	0	0	0	1		
3	P4	1	2	13	70	0	0		
TOTAL		22	36	219	1.516	100	20		
WEIGHT KG				219	1.516	100			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: AMD	CREW: CHIẾN - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:30
VANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT HÙNG	AMD	70	1	10	12	80	XAYLAP	Vietnamese
2	LẠI HUY CUÔNG	AMD	69	1	6	20	61	XAYLAP	Vietnamese
3	STANLEY FUREY	AMD	59-60	2	15		115	BAB	British
4	LA NGOC HOAN	AMD	63	1	5		72	HLJOC	Vietnamese
5	EDDY RIDZUAN BIN MARKUZI	AMD	64-65	2	20		81	MI	Malaysian
6	NGO SỸ KHÔI	AMD	50	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN AN	AMD	42	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LÂM	AMD	41	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN DỪNG	AMD	66-67	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	72-73	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRUNG KIEN	AMD	48-49	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI TRUNG	AMD	40	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG THE KHAI	AMD	57-58	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUỐC HUY	AMD	74-75	2	10		89	KH-THAC	Vietnamese
15	TRINH THUONG MAI	AMD	51-52	2	11		58	TLJOC	Vietnamese
16	THAN CANH THINH	AMD	53-54	2	12		75	TLJOC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	55-56	2	15		88	TLJOC	Vietnamese
18	LÊ VĂN TRƯỞNG	AMD	62	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH TÂN	AMD	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG LONG	AMD	45-46	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TÀNG XUÂN HAI	AMD	61	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN VAN HOA	AMD	43-44	2	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	34	206	1.610	32	22		
TOTAL		22	34	206	1.610	32	22		
WEIGHT KG				206	1.610	32			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2023	TO: BK14 - BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - M.Đức - Huy	ETA: 11:40
CAM-2			

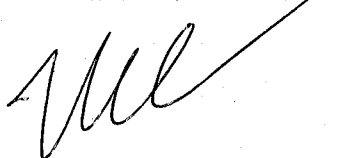
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	BK14	10	1	4	21	52	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC CUÔNG	BK14	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐỨC	BK14	15	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HOÀNG	BK14	16-17	2	11		76	ANTOAN	Vietnamese
6	NGÔ MINH PHƯƠNG	BK14	18	1	10	16	90	ANTOAN	Vietnamese
7	TÀ QUANG QUYÊN	BK14	12	1	8		96	PSV	Vietnamese
8	PHẠM TOÀN VŨ	BK14	11	1	6		80	PSV	Vietnamese
9	PHẠM DUY CHUNG	BK14	09	1	8		68	DK9	Vietnamese
10	PHẠM QUANG THAI	BK14	21	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG QUỐC TRIỆU	BK16	38-39	2	14		80	CANTI	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN HỘI	BK16	40	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	75	1	5	21	77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN DAN	CTK3	72-73	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	77-78	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	79	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH QUANG	CTK3	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUYỀN	CTK3					67	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	69,71	2	20		83	KH-THAC	Vietnamese
22	VU XUAN CHINH	CTK3	66	1	13	22	67	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

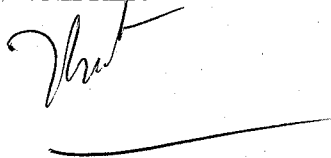
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	10	11	68	756	37	7		
2	BK16	2	3	21	155	0	0		
3	CTK3	10	12	76	730	43	15		
TOTAL		22	26	165	1.641	80	22		
WEIGHT KG				165	1.641	80			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

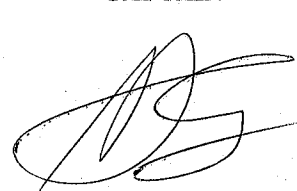
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: GTC1 - PPD	CREW: HUNG - Son - PTUAN	ETA: 11:45
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG	GTC1	89-90	2	17		65	GPWS	Vietnamese
2	VŨ TIẾN THÀNH	GTC1	91-92	2	15		72	GPWS	Vietnamese
3	PHẠM THANH LONG	GTC1	85	1	9		70	GPWS	Vietnamese
4	TRƯƠNG QUANG NAM	GTC1	87-88	2	19		89	GPWS	Vietnamese
5	DƯƠNG QUỐC VIỆT	GTC1	83-84	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN LÊ CHIẾN	GTC1	82	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI KHÁC HUNG	GTC1	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH THIÊN TÙNG	GTC1	81	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	33	1			65	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN ĐẠO	PPD	30	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	37-38	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH TRÍ	PPD	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	31-32	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG DŨNG	PPD	36	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	28	1	5	85	84	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐANG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	41	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	BIỆN MINH SƠN	PPD	39	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	SMIRNOV S.	PPD	34	1	5		100	KH-THAC	Russian
22	MIRSAYAPOV RUSLAN	PPD	35	1	7		105	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	8	12	85	605	0	0		
2	PPD	14	14	69	1.085	85	22		
TOTAL		22	26	154	1.690	85	22		
WEIGHT KG				154	1.690	85			

GRAND TOAL: 1.929 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2023	TO: P2 - P6 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - Q.Trường	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ANH	P2	32	1	12		63	CỔ ĐIỆN	Vietnamese
2	LÊ VĂN DÙNG	P2	30	1	8		64	CỔ ĐIỆN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC QUAN	P2	31	1	11		76	CỔ ĐIỆN	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P2	33	1	10		81	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	P2	34	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN NAM	P2	35-36	2	8		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN LONG	P2	37	1	4		55	T-TIN	Vietnamese
8	HỒNG PHƯỚC SANG	P2	38	1	5		61	T-TIN	Vietnamese
9	DO VAN THANH	P2	29	1	7	29	83	CO DIEN	Vietnamese
10	NGUYEN MANH TUNG TAI	P2	28	1	8		67	CO DIEN	Vietnamese
11	ĐỖ QUANG HUNG	P6	67-69	3	14		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỒNG HOÀNG ĐỨC	P6	56-57	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG KHÁC CƯỜNG	P6	55	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN QUANG LƯU	P6	52	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN DUY ANH	P6	53-54	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN KHÁC SAU	P6	28	1	17		66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN KHOA	P6	58-60	3	19		67	XAYLAP	Vietnamese
18	THỊNH VIỆT HÙNG	P6	61-63	3	16		76	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN NAM ĐẠI	P6	65-66	2	12		61	XAYLAP	Vietnamese
20	TRINH XUAN TAI	P6				24	70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN MINH HOAN	P6	64	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	CLO	08-09	2	12		68	CỔ ĐIỆN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	11	82	685	29	6		
2	P6	11	19	142	757	24	11		
3	CLO	1	2	12	68	0	5		
TOTAL		22	32	236	1.510	53	22		
WEIGHT KG				236	1.510	53			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2023	TO: CTK3 - BK20 - BK9	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cuong - DTung	ETA: 14:05
CAM-3			

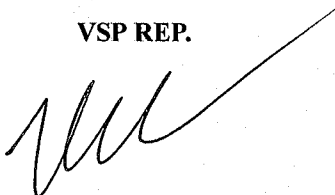
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DANH TUAN	CTK3	90	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU HOANG ANH	CTK3	201,39	2	11		105	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI SY LONG	CTK3	31	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	25	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUOC CUONG	CTK3	29,30	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG THIEU THANH	CTK3	36	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VU BAO AN	CTK3	01,02	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOAN NGOC THUONG	CTK3	37	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DAN QUE	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN ĐOAN	CTK3	38	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH BINH	CTK3	63	1	8		84	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THI TUONG VI	CTK3	62	1	6		50	ANTOAN	Vietnamese
14	LE SON	CTK3	33-34	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN CONG	CTK3	24	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
16	VU VAN HUY	CTK3	28	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DINH HUNG	CTK3	26-27	2	22		71	XAYLAP	Vietnamese
18	LE TRI HAI	CTK3				27	71	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VAN VUONG	CTK3	64-65	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	35	1	5		58	PSV	Vietnamese
21	ĐO BINH MINH	CTK3	22-23	2	6		82	DKE	Vietnamese
22	HUYNH QUANG HIEN	CTK3	19	1	9		57	DKE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	27	195	1.553	27	18	22	CHUYEN 2 PAX CTK3-BK20
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	BK9	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	27	195	1.553	27	22		
WEIGHT KG				195	1.553	27			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

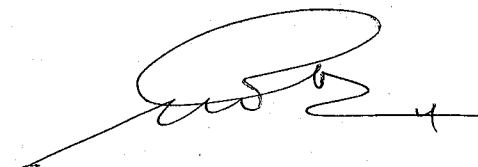
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 8	TO: AMD - RP3	CREW: CHIẾN - VLinH - THỤ	ETA: 14:10
VANG-3			

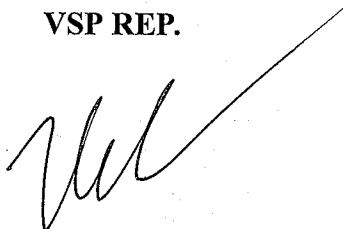
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÀ	AMD	95	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	89-90	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ THẺ THANH	AMD	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU ĐỨC CHÍ	AMD	88	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN CHUNG	AMD	99	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese
6	CÔNG ĐỨC MINH TRI	AMD	92	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ANH ĐỨC	AMD	93	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH THÁI	AMD	84-85	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
9	PHÙNG THẺ TÀI	AMD	82-83	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VIỆT HỮU	AMD	78	1	10	15	57	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN ĐÌNH HÙNG	AMD	80	1	10	17	70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN CAO TẠNG	AMD	87	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN LAM THĂNG	AMD	91	1	3		86	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NHÂN	AMD	94	1	8		76	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH SỰ	AMD	86	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	KHÚC NGỌC HIỆU	AMD	61,76	2	15	15	80	PHATECO	Vietnamese
17	HÀ VĂN HÙNG	AMD	97-98	2	20		60	PHATECO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	RP3	73-74	2	12		53	PVCHEM-C	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN DUƠNG	RP3	71-72	2	12	20	62	PVCHEM-C	Vietnamese
20	PHẠM HUYNH CƯỜNG	RP3	75	1	18	62	80	CODIEN	Vietnamese
21	NHÂM ĐIỆN BIÊN	RP3	99	1	5		66	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	22	181	1.181	47	8		
2	RP3	4	6	47	261	82	14		
TOTAL		21	28	228	1.442	129	22		
WEIGHT KG				228	1.442	129			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

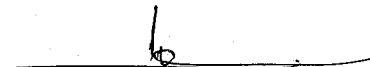
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



diễn VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: NKánh - Trinh	ETA: 14:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN LUU	T.UNG	33	1	7		62	YTE	Vietnamese
2	HUYNH HIEU NGHIA	T.UNG	92	1	9		82	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TUAN	T.UNG	91	1	7		81	PVEP ITC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH QUOC BAO	T.UNG	87	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM QUANG QUY	T.UNG	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VAN MANH	T.UNG	93-94	2	6		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN BAC	T.UNG	90	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH BAC	T.UNG	32	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN XUAN THUY	T.UNG	99	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DUY DUC	T.UNG	88-89	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
11	DO THANH TUNG	T.UNG	96-97	2	9		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HAI	T.UNG	95	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	12	15	75	817	0	19		
TOTAL		12	15	75	817	0	19		
WEIGHT KG				75	817	0			

GRAND TOAL: 892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Pilot lay du' son

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD3+P7	7:25	19+1+2	0+0+0		9+5+8	0+0+0	chuyen 1 td3-p7
2		TD1+TD5+BK10	9:25	22+0+0	0+0+0		17+2+0	0+0+0	chuyen 3 td5-bk10
3		AMD+CLO+RP2	11:25	8+8+6	0+0+0		0+5+13	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO - TD3 - P7	CREW: Dương - NPhú - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBYEV SERGEY	CLO	74	1	5		88	KHOAN	Russian
2	HOANG VAN TRUNG	CLO	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY NAM	CLO	60	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN ĐUỘC	CLO	62	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	CHU ĐỨC AI	CLO	67-68	2	16		78	KHOAN	Vietnamese
6	VU NGOC LUAN	CLO					72	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN QUANG HUY	CLO	29	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN BÓN	CLO	69	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TAM	CLO	73	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	66	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HÙNG	CLO	65	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIỀN	CLO	63	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TOÀN THẮNG	CLO	58	1	17		70	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH CƯỜNG	CLO	57	1	10		71	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
15	CHU TUẤN ANH	CLO	56	1	15		60	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HUÂN	CLO	54-55	2	18	40	60	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	CLO	50-51	2	15		90	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
18	HỒ CHIẾN THẮNG	CLO	64	1	7		60	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
19	TRAN MINH TUAN	CLO	52	1	12		75	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD3	98	1	16		72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIỀN QUYÊN	P7	65	1	15	60	65	XAYLAP	Vietnamese
22	LUU DUC THINH	P7	66-67	2	15	15	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	21	170	1.362	40	9		CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG P7
2	TD3	1	1	16	72	0	5	1	
3	P7	2	3	30	135	75	8		
TOTAL		22	25	216	1.569	115	22		
WEIGHT KG				216	1.569	115			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TD1 - TD5 - BK10	CREW: Dương - NPhú - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD1	51-52	2	12		65	D-HANH	Vietnamese
2	BADRETDINOV EDGAR	TD1	56	1	5		78	KHOAN	Russian
3	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	50	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	55	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THIỆU	TD1	49	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	45-46	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	58	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VĂN NINH	TD1	40-41	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC QUÂN	TD1	47-48	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC DUNG	TD1	42	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	44	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	TD1	57	1	10		70	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
14	LÊ ANH TUẤN	TD1	62-63	2	17		70	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
15	LÊ HUY BÁC	TD1	59	1	12		65	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
16	DANG NGOC SON	TD1	61	1	5		58	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN MẠNH	TD1	60	1	10		75	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
18	LÊ VIỆT THANH	TD1	53	1	5	54	74	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	43	1	5		58	PSV	Vietnamese
20	NGÔ VĂN GIAO	TD1	64	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	ĐẠU VIỆT BÁC	TD1	54	1	5		76	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	TD1	39	1	5		81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	26	160	1.577	54	17		CHUYEN 3 PAX TD5-BK10
2	TD5	0	0	0	0	19	2 + 3		
3	BK10	0	0	0	0	10	0		
TOTAL		22	26	160	1.577	83	19		
WEIGHT KG				160	1.577	83			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2023	TO: AMD - CLO - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - DTùng	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CU THE CANH	AMD	82-83	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI SON HAI	AMD	88-89	2	16	50	60	XAYLAP	Vietnamese
3	LE PHUONG THUY	AMD	79-80	2	15		60	PVDT	Vietnamese
4	NGUYEN THE DUNG	AMD	81	1	10		76	PVDT	Vietnamese
5	PHAN TIEN DUNG	AMD	90-91	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
6	LE TRONG HUNG	AMD	84-85	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI NGOC THANG	AMD	86-87	2	19		50	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG	AMD	92-93	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN DUONG	CLO	46	1	14		66	CO DIEN	Vietnamese
10	DO VIET LONG	CLO	47	1	8		60	CO DIEN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG PHONG	CLO	44	1	3		65	CO DIEN	Vietnamese
12	LE MINH MINH	CLO	48	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	DAO XUAN THO	CLO	43	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	PHAN MINH TUAN	CLO	45	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	PHAM VAN THAI	CLO	39-40	2	19		82	SCHLUMBE	Vietnamese
16	NGUYEN DUY MINH	CLO	41-42	2	18		88	SCHLUMBE	Vietnamese
17	NGUYEN DUC BINH	RP2	74	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN QUOC THINH	RP2	73	1	8	30	55	XAYLAP	Vietnamese
19	LA TUAN LINH	RP2	79-80	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VAN QUANG	RP2	77	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI DUY TAN	RP2	75-76	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN TRONG TUAN	RP2	78	1	7		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	15	121	502	50	0		
2	CLO	8	10	77	576	0	5		
3	RP2	6	8	67	424	30	13		
TOTAL		22	33	265	1.502	80	18		
WEIGHT KG				265	1.502	80			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Đuân VSP